

Bản án số: 02/2022/HNGĐ

Ngày: 18/01/2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và ông Ngô Quang Hậu

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân – Thẩm tra viên chính

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXX - ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐ ST – HNGĐ ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1975. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

HKTT: Xóm S, xã CS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1974. Vắng mặt

HKTT: Xóm S, xã CS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 05/10/2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày: Chị và anh Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình ngày 24 tháng 10 năm 1994. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại xóm SB, xã TS (nay là xã CS), huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, kinh tế nên thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng căng thẳng cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Nay

chị với anh T không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Kim A, sinh ngày 29/4 1995, hiện cháu A đã thành niên và lập gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

Về công nợ chung: Không có.

Nguyên đơn chị Đoàn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc T. Về con chung: Có 01 con Trần Kim Anh đã thành niên nên không đề nghị Tòa giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có – Không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa cho anh Toàn như: Thông báo thụ lý vụ án số 230/2021/TB -TLVA ngày 05/10/2021; giấy triệu tập đương sự số 2153/2021/GTT-TA ngày 11/10/2021; Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB -TA ngày 11/11/2021; Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 02/TB – TLVA ngày 29/11/2021. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23 /2021/QĐXXST –HNGĐ ngày 15/12/2021 nhưng không tổng đạt cho anh Toàn được. Do không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được các văn bản của Tòa và niêm yết công khai các văn bản theo quy định của pháp luật nhưng anh Toàn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại biên bản xác minh đại diện xóm SB, xã CS, huyện LS Công an xã CS, huyện LS và biên bản lấy lời khai của anh trai anh T đều xác nhận: Chị Đoàn Thị L và anh Trần Quốc T có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chị L và anh T sinh sống tại nhà xóm SB, xã CS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Anh Trần Quốc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm SB, xã CS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình hiện chưa chuyển khẩu đi nơi khác, chưa làm thủ tục đăng ký tạm trú tạm vắng đi nơi khác. Quá trình chung sống, anh T chị hay xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc, anh T đi làm ăn xa nhà tháng về nhà một hai lần. Nay chị L có đơn yêu cầu ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm; Nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật trong tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do,

như vậy bị đơn anh Trần Quốc T đã từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị L

Xử cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Trần Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Kim A, sinh ngày 29/4/1995 đã thành niên nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết:

Chị Đoàn Thị L có đơn khởi kiện đối với anh Trần Quốc T về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Bị đơn anh Trần Quốc T có hộ khẩu thường trú tại xã CS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình nên thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Quốc T đã được triệu tập hợp lệ để tự khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập mà không có lý do. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh Trần Quốc T, tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Nguyên đơn chị Đoàn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét về yêu cầu của chị Đoàn Thị L yêu cầu được ly hôn anh Trần Quốc T thì thấy: Chị Đoàn Thị L và anh Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TS (nay là xã CS), huyện LS, tỉnh Hòa Bình ngày 24/10/1994 đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh T hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, thường xuyên to tiếng, cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng căng thẳng, vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Hiện vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm, hỏi han đến nhau. Nay chị L không còn tình cảm với anh T. Như vậy, tình cảm giữa chị L và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị L. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Trần Quốc T.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Kim A, sinh ngày 29/4/1995 đã thành niên và lập gia đình, không bị nhược điểm thể chất và tinh thần nên Tòa án không giải quyết.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Không có – Không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

* Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Đoàn Thị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; điều 238; điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 53; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Cháu Trần Kim A đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003204 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị L và anh Trần Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện LS;
- THADS huyện LS;
- UBND xã CS;
- Các DS;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Mai

